

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-12-2022.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tấn Lợi;
2. Ông Lê Xuân Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp C, xã H, huyện C, tỉnh N; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp C, xã H, huyện C, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-4-2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn vào ngày 12-12-2003 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân bà xin ly hôn với ông B là do trong thời gian chung sống, ông B thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, xúc phạm danh dự bà. Mặc dù, bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông B không sửa đổi. Ông,

bà đã sống ly thân khoảng 01 năm. Nay tình cảm, hạnh phúc vợ, chồng không còn nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 04 cháu tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 17-12-1990; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22-01-1993; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 24-02-1994 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 21-6-1997. Hiện các cháu đã thành niên, đi làm, sinh sống ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn B nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn B; về con chung: Có 04 cháu tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 17-12-1990; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22-01-1993; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 24-02-1994 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 21-6-1997, đều đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông B.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn vào ngày 12-12-2003 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà T cho rằng, trong thời gian chung sống, ông B thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, xúc phạm danh dự bà. Mặc dù, bà đã khuyên can nhiều lần nhưng

ông B không sửa đổi là có căn cứ, phù hợp với biên bản xác minh chính quyền địa phương (BL số 32). Xét tình cảm vợ, chồng giữa bà T và ông B không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông B, cho bà T được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Có 04 cháu tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 17-12-1990; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22-01-1993; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 24-02-1994 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 21-6-1997, đều đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn B. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Có 04 cháu tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 17-12-1990; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22-01-1993; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 24-02-1994 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 21-6-1997, đều đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007584, ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Đức Dũng